

Công ty Cổ phần Dược phẩm IMEXPHARM (IMP: HOSE)

Ngày báo cáo: 01/08/2025
Ngành: Y TẾ & DƯỢC PHẨM
CVPT: Đặng Trần Minh
Email: minhdt1@ssi.com.vn
SĐT: +84-28 3824 2897 ext. 6731

Khuyến nghị: **KHẢ QUAN**
Giá mục tiêu 1Y: **58.000 Đồng**
Giá CP ngày 31/07/2025: 52.000 Đồng
% Tăng giá: **+11,5%**

Giá trị vốn hóa (triệu USD): 297
Giá trị vốn hóa (tỷ đồng): 7.777
Số cổ phiếu lưu hành (triệu): 154
KLGD trung bình 3 tháng (cp): 194.984
Giá cao/thấp nhất 52T (VNĐ): 54,2/38,4
GTGD trung bình 3 tháng (tỷ đồng): 10,0
Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (%): 50,3
Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%): 22

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

Thông tin cơ bản về công ty

IMP thành lập vào năm 1983, xuất phát là một doanh nghiệp nhà nước và được cổ phần hóa vào năm 2001. Công ty được niêm yết trên sàn HOSE vào năm 2006. Công ty là một trong những doanh nghiệp có uy tín về chất lượng sản phẩm do áp dụng những tiêu chuẩn chất lượng rất khắt khe. Các sản phẩm chính là thuốc kháng sinh (cephalosporin và penicillin). Công ty có nhà máy ở Đồng Tháp (sản xuất nonbeta lactam và penicillin), Bình Dương (thành lập năm 2010, sản xuất cephalosporin và penicillin) và Thành Phố Hồ Chí Minh.

Liều thuốc cho tăng trưởng

- Tăng trưởng doanh thu thuần và lợi nhuận ròng vượt trội so với các công ty trong ngành
- Biên lợi nhuận các mảng kinh doanh đều cải thiện
- Nhiều chính sách thuận lợi hỗ trợ tăng trưởng trong tương lai
- Chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN, điều chỉnh tăng giá mục tiêu lên 58.000 đồng/cp.

Tóm tắt

IMP ghi nhận tăng trưởng doanh thu và LNST mạnh mẽ, lần lượt đạt +22% và 37% svck, nhờ tăng trưởng kênh bệnh viện (ETC) (+24% svck) và kênh nhà thuốc (OTC) (+32% svck). Các bệnh viện đẩy mạnh mua dự trữ thuốc, còn kênh bán lẻ đã hồi phục so với mức thấp điểm của năm ngoái. Công suất nhà máy ước tính đã đạt 63%, so với mức 55% vào cuối năm ngoái. Biên lợi nhuận gộp tăng 60 điểm cơ bản so với quý trước, đạt 40,1%, nhờ giá nguyên liệu ổn định và công ty đã kiểm soát chi phí tốt hơn. Lũy kế 6T2025, doanh thu và LNST lần lượt hoàn thành 46% và 43% kế hoạch năm.

Triển vọng IMP vẫn duy trì tích cực, với đà tăng trưởng được hỗ trợ bởi việc mở rộng danh mục sản phẩm (SKU), mở rộng kênh OTC và gia tăng thị phần tại các gói thầu bệnh viện nhóm 1 & 2. Các quy định mới được ban hành (như đơn thuốc điện tử, siết chặt chất lượng thuốc) sẽ mang lại lợi thế cho các doanh nghiệp có chất lượng sản phẩm cao như IMP.

Do đó, chúng tôi duy trì dự báo doanh thu thuần năm 2025 ở mức 2,54 nghìn tỷ đồng (+15% svck) nhưng tăng dự báo LNST lên 401 tỷ đồng (+25% svck, từ 373 tỷ đồng). Ước tính doanh thu và LNST 2026 ở mức 2,89 nghìn tỷ đồng (+13% svck) và 486 tỷ đồng (+21% svck).

Chúng tôi cập nhật giá mục tiêu là 58.000 đồng/cp (từ 45.000 đồng/cp), định giá PE 2026 ở mức 18,3x, dựa trên phương pháp DCF và P/E. Cổ phiếu hiện giao dịch ở mức 52.000 đồng/cp, chúng tôi duy trì khuyến nghị KHẢ QUAN với tiềm năng tăng giá 11,5%.

Rủi ro: giá nguyên liệu đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh từ các công ty dược phẩm nước ngoài.

Tỷ đồng	2022	2023	2024	2025F	2026F
Doanh thu thuần	1.644	1.994	2.205	2.555	2.897
<i>Tăng trưởng doanh thu thuần</i>	<i>29,8%</i>	<i>21,3%</i>	<i>10,6%</i>	<i>15,9%</i>	<i>13,4%</i>
Lợi nhuận gộp	697	811	856	1.039	1.196
<i>Biên lợi nhuận gộp</i>	<i>42,4%</i>	<i>40,6%</i>	<i>38,8%</i>	<i>40,6%</i>	<i>41,3%</i>
Thu nhập tài chính	24	25	13	14	35
Chi phí tài chính	-29	-31	-25	-38	-40
SG&A	-401	-429	-440	-515	-584
Thu nhập ròng khác	1	3	1	3	3
Lợi nhuận trước thuế	291	377	404	503	610
Lợi nhuận ròng	224	300	321	402	488
<i>Tăng trưởng lợi nhuận ròng</i>	<i>18,2%</i>	<i>34,0%</i>	<i>7,1%</i>	<i>25,3%</i>	<i>21,3%</i>
<i>Biên lợi nhuận ròng</i>	<i>13,6%</i>	<i>15,0%</i>	<i>14,6%</i>	<i>15,7%</i>	<i>16,8%</i>
EPS (VNĐ)	3.351	4.277	2.083	2.611	3.168

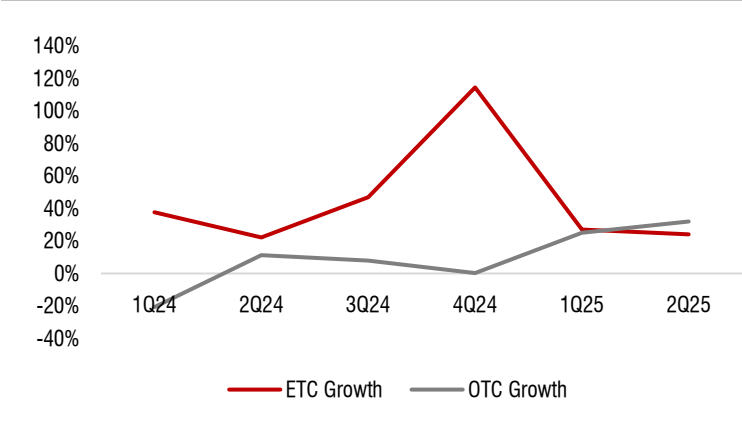
Cập nhật KQKD Q2/2025

Tỷ đồng	2025	2024	YoY	1Q25	QoQ	% hoàn thành kế hoạch năm	Biên lợi nhuận			
							2025	2024	1Q25	2024
Doanh thu thuần	633	517	22,3%	594	6,5%	46%				
Lợi nhuận gộp	254	201	26,6%	234	8,3%		40,1%	38,8%	39,5%	38,8%
Lợi nhuận hoạt động	120	83	44,0%	97	22,8%		18,9%	16,1%	16,4%	18,1%
EBIT	121	84	44,2%	98	24,1%		19,1%	16,2%	16,4%	18,5%
EBITDA	147	110	33,5%	124	19,1%		23,3%	21,3%	20,8%	23,3%
Lợi nhuận trước thuế	115	83	38,3%	95	20,5%	43%	18,2%	16,1%	16,0%	18,3%
Lợi nhuận ròng	90	66	37,0%	74	21,3%		14,3%	12,7%	12,5%	14,6%
Lợi nhuận ròng thuộc cổ đông công ty mẹ	90	66	37,0%	74	21,3%		14,3%	12,7%	12,5%	14,6%

Nguồn: IMP, SSI Research

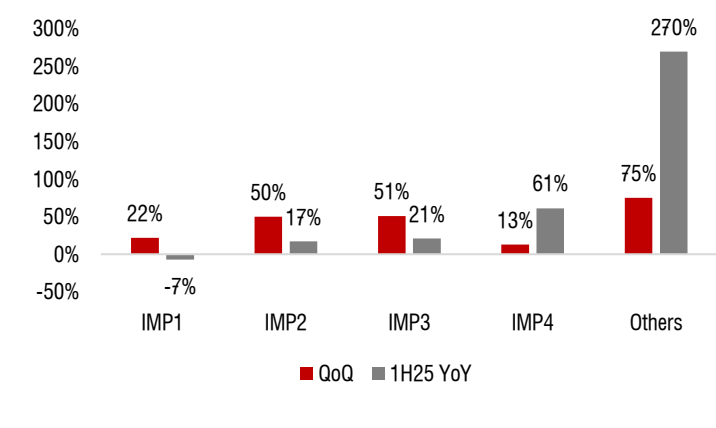
Tăng trưởng doanh thu thuần duy trì mạnh mẽ, với đà tăng đều ở tất cả các mảng. IMP ghi nhận mức tăng trưởng doanh thu ấn tượng (+22% svck), nhờ tăng trưởng tại các kênh chính. Kênh ETC duy trì đà tăng tích cực, tăng +24% svck nhờ hoạt động dự trữ thuốc tại bệnh viện và đăng ký thầu sớm trước thời điểm sắp nhập tỉnh thành. Kênh OTC cũng ghi nhận phục hồi mạnh mẽ (+32% svck), với doanh thu nhà thuốc bán lẻ tăng đáng kể +32% svck trong bối cảnh các quy định siết chặt ảnh hưởng đến các nhà thuốc nhỏ lẻ trong 6T2025. Công suất nhà máy ước đạt 63%, tăng so với mức 55% vào cuối năm 2024, trong đó nhà máy IMP3 đã hết công suất, còn IMP1 và IMP4 vẫn còn dư công suất.

Biểu đồ 1: Kênh ETC, OTC duy trì tốt đà tăng



Nguồn: IMP, SSI Research

Biểu đồ 2: Sản lượng sản xuất tăng mạnh mẽ tại các dây chuyền thuốc đạt chuẩn EU GMP (IMP 2,3,4)



Biên lợi nhuận tăng trưởng: Biên lợi nhuận gộp tăng 60 điểm cơ bản so với quý trước, đạt 40,1%, nhờ chính sách tồn kho hợp lý, giá nguyên liệu đầu vào ổn định (-1,3% svck) và cải tiến trong quy trình mua hàng giúp giảm chi phí trên mỗi đơn vị. Từ tháng 7, IMP đã điều chỉnh tăng giá bán 5–7% đối với phần lớn danh mục OTC, chủ động ứng phó với áp lực tăng giá đầu vào và chi phí điện nước. Dù tỷ lệ chi phí SG&A/Doanh thu có tăng nhẹ, nhưng lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh và LNST vẫn tăng mạnh lần lượt +44% và +37%. Nhờ hoàn thành 46% doanh thu và 43% LNTT kế hoạch năm, công ty đang bám sát mục tiêu đề ra.

Kết quả IMP cao hơn so với trung bình ngành trong năm 2025. Tính đến thời điểm viết bài, tăng trưởng trung bình doanh thu và LNST Q2/2025 của các công ty niêm yết là +1,4% svck và 13% svck¹. Động lực tăng trưởng của kênh OTC và ETC đến từ:

- **Mở rộng danh mục sản phẩm:** doanh thu từ các sản phẩm mới dự kiến đóng góp khoảng 6% trong năm đầu tiên.
- **Tăng trưởng kênh OTC:** IMP hưởng lợi từ sự phục hồi mạnh mẽ (vd thuốc ho tăng trưởng +70% svck). Doanh thu tại miền Bắc của IMP cũng có mức tăng tới 70%.
- **Gia tăng thị phần kênh ETC:** IMP duy trì thị phần 15% trong giá trị trúng thầu kênh bệnh viện nhóm 2, đồng thời nâng thị phần tại nhóm 1 từ 0,25% lên 1%, nhờ lợi thế cạnh tranh từ danh mục sản phẩm đạt chuẩn EU-GMP.

Các chính sách của nhà nước hỗ trợ tăng trưởng. Các chính sách mới đây cho thấy cam kết của Chính phủ trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế – thông qua điều chỉnh giá khám chữa bệnh tại bệnh viện công, áp dụng bắt buộc đơn thuốc điện tử, siết chặt tuân thủ trong phân phối thuốc, cũng như xử lý thuốc giả, thuốc kém chất lượng. Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ thúc đẩy nhanh tái cấu trúc toàn ngành, gây áp lực lên các doanh nghiệp sản xuất và nhà thuốc không tuân thủ quy định. Trong bối cảnh đó, các doanh nghiệp tuân thủ cao và tiêu chuẩn cao như IMP sẽ được hưởng lợi và có thể gia tăng thị phần đáng kể.

Bảng 2: Một số chính sách ước tính sẽ có tác động đến ngành Dược trong nửa cuối năm 2025

Chính sách	Hiệu lực	Tác động
Nghị định 70/2025/NĐ-CP	01/06/2025	Quy định về hóa đơn điện tử, áp lực chuyên nghiệp hóa đối với các nhà thuốc nhỏ lẻ.
Thông tư 30/2025/TT-BYT	01/07/2025	Hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn chất lượng, kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc và thu hồi, xử lý thuốc vi phạm
Nghị định 163/2025/NĐ-CP	01/07/2025	Hướng dẫn thi hành Luật Dược, tăng áp lực tuân thủ lên nhà sản xuất và bên bán lẻ.
Thông tư 26/2025/TT-BYT	01/07/2025	Áp dụng đơn thuốc điện tử tại bệnh viện, tăng thời hạn cho thuốc kê đơn ngoại trú lên 90 ngày cho bệnh mãn tính.

Nguồn: IMP, SSI Research

Quan hệ đối tác chiến lược mới. Tập đoàn SK đã đồng ý bán toàn bộ 64,81% cổ phần tại IMP cho Tập đoàn Dược phẩm Livzon (Trung Quốc), với mức giá khoảng 57,400 đồng/cổ phiếu, tương ứng với P/E năm 2025 là 22 lần. Với tiềm lực quy mô và năng lực chuyên môn từ Livzon, IMP kỳ vọng sẽ đẩy nhanh kế hoạch mở rộng và gia tăng thị phần trong thời gian tới.

Quan điểm của chúng tôi

Triển vọng ngắn hạn duy trì tích cực, dự án mới sẽ giúp tăng trưởng dài hạn. Tổ hợp IMP5 có công suất thiết kế 1,4 tỷ đơn vị/năm và tổng mức đầu tư 1,5 nghìn tỷ đồng đang chờ cấp phép (dự kiến trong Q3). Dự án dự kiến bắt đầu đóng góp doanh thu từ năm 2028, đặc biệt tập trung vào các dòng sản phẩm công nghệ cao. Trong ngắn hạn, tăng trưởng doanh thu sẽ được duy trì bởi công suất tại các nhà máy hiện tại, mở rộng danh mục thuốc, cùng với việc gia tăng thị phần trong mảng đấu thầu. Chúng tôi ước tính tăng trưởng lợi nhuận ổn định ở mức hai chữ số, cùng với chính sách mới tái định hình thị trường dược phẩm theo hướng tích cực, và tiềm năng hợp tác chiến lược cùng Livzon.

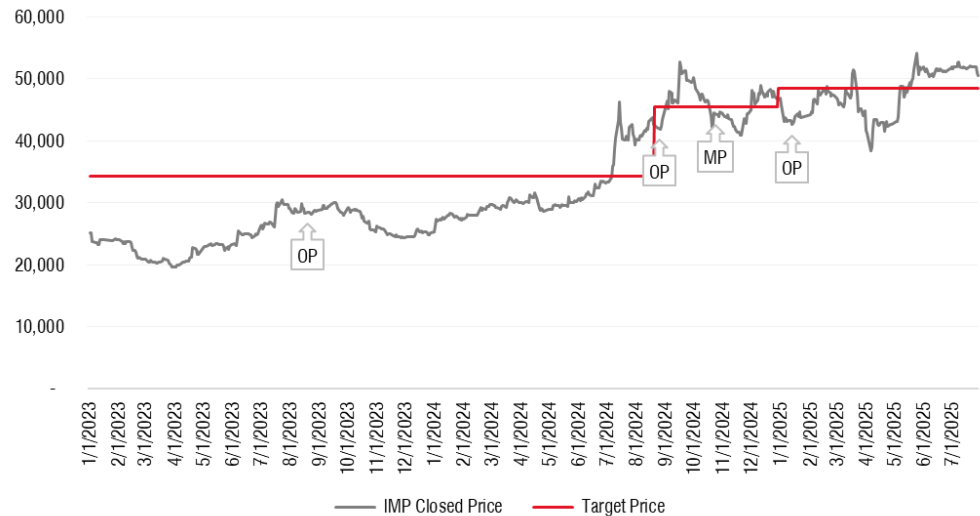
Sau khi rà soát lại các giả định chính, chúng tôi giữ nguyên dự báo doanh thu năm 2025 là 2,54 nghìn tỷ đồng (+15% svck), đồng thời điều chỉnh tăng LNST lên 401 tỷ đồng (+25% svck; từ mức 373 tỷ đồng). Chúng tôi cũng đưa ra dự báo doanh thu và LNST năm 2026 lần lượt là 2,89 nghìn tỷ đồng (+13% svck) và 486 tỷ đồng

¹ SSI Research tổng hợp

(+21% svck). Chúng tôi kỳ vọng doanh thu sản phẩm giá trị cao tăng, công ty chiếm thêm thị phần và biên lợi nhuận cải thiện. Chúng tôi nâng giá mục tiêu lên 58.000 đồng/cổ phiếu (từ 45.000 đồng/cổ phiếu), tương ứng với P/E dự phóng năm 2026 là 18,3 lần, dựa trên sự kết hợp phương pháp DCF và P/E. Với mức giá thị trường hiện tại 52.000 đồng/cổ phiếu, chúng tôi duy trì khuyến nghị **KHẢ QUAN** đối với cổ phiếu IMP, với tiềm năng tăng giá 11,5%.

Rủi ro giảm đối với khuyến nghị: Giá nguyên liệu đầu vào tăng và áp lực cạnh tranh từ các công ty được phẩm nước ngoài.

Lịch sử khuyến nghị



Nguồn: SSI Research

Ghi chú: BUY: Mua, OP: Khả quan, MP: Trung lập, UP: Kém khả quan

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Bảng cân đối kế toán				
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	106	162	556	861
+ Đầu tư ngắn hạn	93	142	142	142
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	297	384	412	486
+ Hàng tồn kho	699	705	755	847
+ Tài sản ngắn hạn khác	12	17	17	20
Tổng tài sản ngắn hạn	1.207	1.410	1.882	2.356
+ Các khoản phải thu dài hạn	2	2	3	3
+ GTCL Tài sản cố định	936	859	830	795
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn dở dang	47	44	44	44
+ Đầu tư dài hạn	71	67	67	67
+ Tài sản dài hạn khác	129	124	152	163
Tổng tài sản dài hạn	1.185	1.095	1.096	1.072
Tổng tài sản	2.393	2.505	2.978	3.428
+ Nợ ngắn hạn	308	322	395	424
Trong đó: vay ngắn hạn	49	86	97	109
+ Nợ dài hạn	0	0	152	85
Trong đó: vay dài hạn	0	0	152	85
Tổng nợ phải trả	308	322	546	509
+ Vốn góp	700	1.540	1.540	1.540
+ Thặng dư vốn cổ phần	507	187	187	187
+ Lợi nhuận chưa phân phối	440	321	569	1.057
+ Quỹ khác	437	135	135	135
Vốn chủ sở hữu	2.085	2.183	2.431	2.919
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	2.393	2.505	2.978	3.428
Lưu chuyển tiền tệ				
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	-30	214	446	421
Dòng tiền từ hoạt động đầu tư	70	-125	-60	-60
Dòng tiền từ hoạt động tài chính	-112	-33	8	-55
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	-73	56	394	306
Tiền đầu kỳ	179	106	162	556
Tiền cuối kỳ	106	162	556	861
Các hệ số khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán hiện hành	3,92	4,38	4,77	5,55
Hệ số thanh toán nhanh	1,61	2,14	2,81	3,51
Hệ số thanh toán tiền mặt	0,65	0,95	1,77	2,37
Nợ ròng / EBITDA	-0,15	-0,13	-0,32	-0,68
Khả năng thanh toán lãi vay	63,50	116,84	34,73	46,00
Ngày phải thu	44,7	49,3	49,9	49,6
Ngày phải trả	24,1	20,0	19,9	20,0
Ngày tồn kho	175,1	189,9	175,7	171,8
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,87	0,87	0,82	0,85
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,13	0,13	0,18	0,15
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,15	0,15	0,22	0,17
Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,04	0,10	0,07
Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	0,02	0,04	0,04	0,04

Nguồn: IMP, SSI ước tính

Tỷ đồng	2023	2024	2025F	2026F
Báo cáo kết quả kinh doanh				
Doanh thu thuần	1.994	2.205	2.555	2.897
Giá vốn hàng bán	-1.184	-1.350	-1.516	-1.701
Lợi nhuận gộp	811	856	1.039	1.196
Doanh thu hoạt động tài chính	25	13	14	35
Chi phí tài chính	-31	-25	-38	-40
Thu nhập từ các công ty liên kết	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	-310	-312	-362	-410
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-120	-128	-153	-174
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	374	403	500	607
Thu nhập khác	3	1	3	3
Lợi nhuận trước thuế	377	404	503	610
Lợi nhuận ròng	300	321	402	488
Lợi nhuận chia cho cổ đông	300	321	402	488
Lợi ích của cổ đông thiểu số	0	0	0	0
Chỉ số tài chính				
EPS cơ bản (VND)	4.277	2.083	2.611	3.168
Giá trị sổ sách (VND)	29.763	14.172	15.783	18.951
Cổ tức (VND/cổ phiếu)	1.000	1.000	1.000	0
EBIT	383	408	518	624
EBITDA	466	513	606	718
Tăng trưởng				
Doanh thu	21,3%	10,6%	15,9%	13,4%
EBITDA	31,0%	10,2%	18,1%	18,5%
EBIT	29,8%	6,4%	27,0%	20,5%
Lợi nhuận ròng	34,0%	7,1%	25,3%	21,3%
Vốn chủ sở hữu	10,0%	4,7%	11,4%	20,1%
Vốn điều lệ	5,0%	119,9%	0,0%	0,0%
Tổng tài sản	5,1%	4,7%	18,9%	15,1%
Định giá				
P/E	13,2	27,2	19,2	15,8
P/B	1,9	4,0	3,2	2,6
Giá/Doanh thu	1,9	2,9	3,0	2,7
Tỷ suất cổ tức	1,8%	1,8%	2,0%	0,0%
EV/EBITDA	8,2	16,6	12,5	10,5
EV/Doanh thu	1,9	3,9	3,0	2,6
Các hệ số khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	40,6%	38,8%	40,6%	41,3%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động	18,2%	18,1%	19,8%	20,5%
Tỷ suất lợi nhuận ròng	15,0%	14,6%	15,7%	16,8%
Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần	15,5%	14,2%	14,2%	14,2%
Chi phí quản lý/Doanh thu thuần	6,0%	5,8%	6,0%	6,0%
ROE	15,1%	15,0%	17,4%	18,2%
ROA	12,8%	13,1%	14,7%	15,2%
ROIC	14,8%	14,7%	16,7%	17,2%

CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

KHUYẾN NGHỊ

Mua: Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Khả quan: Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trung lập: Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Kém khả quan: Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Bán: Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

Chiến lược thị trường

Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3824 2897 ext. 6732

Phân tích Y tế & Dược phẩm

Đặng Trần Minh

Chuyên viên phân tích

minhdt1@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8671

Dữ liệu

Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8702